TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/DS-ST
Ngày: 20-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trương Thị Ngọc Linh

2. Ông Phạm Quốc Vượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên toà: Ông Lê Quang Vân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Trụ sở: 266-268 N, phường A, quận B, TP.Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Đức T, sinh năm 1986 – Phó phòng giao dịch B. Vắng mặt.

Theo văn bản ủy quyền số 62/2022/QĐ-PGD BL ngày 16/4/2022.

Địa chỉ: Ngân hàng thương mại cổ phần S– phòng giao dịch B số 283 N, KP.P, P.A, TX.B, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: Chị Võ Nguyễn Nguyệt A, sinh năm: 1996.

Trú tại: ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – anh Lê Đức T trình bày:

Ngày 23/11/2018, Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) ký hợp đồng với chị Võ Nguyễn Nguyệt A với nội dung Ngân hàng cấp thẻ tín dụng cho chị A và cấp hạn mức 15.000.000đ với mục đích tiêu dùng cá nhân. Qua đó, Ngân hàng có cấp cho chị A thẻ tín dụng số 3564804685 với hạn mức 15.000.000đ. Lãi suất được tính trên từng giao dịch phát sinh từng ngày và theo lãi suất của Ngân hàng áp dụng theo từng thời kỳ khác nhau. Lãi suất trong hạn là 2,6%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất được thông báo tại thời điểm phát hành thẻ.

Trong quá trình sử dụng, chị A đã nhiều lần thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 101.939.000đ và đã thanh toán cho Ngân hàng với số tiền là 92.946.238đ. Lần cuối cùng chị A thực hiện giao dịch là ngày 22/5/2021 với số tiền 7.060.000đ, thanh toán cho Ngân hàng số tiền 5.000.000đ. Tính đến ngày 22/5/2021, chị A còn nợ Ngân hàng số tiền là 15.197.017đ. Từ ngày 22/5/2021 chị A không thực hiện giao dịch nào khác và đến nay chưa thanh toán số tiền đã vay. Đến ngày 22/10/2021, chị A nợ Ngân hàng tổng số tiền là 17.360.732đ. Do chị A vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên từ tháng 10/2021, ngân hàng chuyển toàn bộ số nợ trên thành nợ quá hạn và chấm rứt việc sử dụng thẻ của chị A.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc chị A thanh toán số tiền nợ gốc là 17.360.732đ, tiền lãi quá hạn từ ngày 22/10/2021 đến ngày xét xử (20/9/2022) là 7.492.908đ, tổng cộng là 24.853.640đ và buộc chị A phải chịu tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Về cơ bản, Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thựa hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định pháp luật, bị đơn không tuân thủ nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc chị A phải trả gốc và lãi vay cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng TMCP S khởi kiện buộc chị Võ Nguyễn Nguyệt A có nơi cư trú tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước phải trả số tiền gốc và lãi đã vay theo hợp đồng tín dụng (hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng hạn mức). Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Võ Nguyễn Nguyệt A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án quyết định xét xử vắng mặt chị A theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S thấy rằng:

Hợp đồng tín dụng giữa các bên thể hiện dưới hình thức văn bản (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng), thể hiện rõ về số tiền vay, lãi suất, phương thức thanh toán, quyền và nghĩa vụ của các bên, tuân thủ về phạm vi hoạt động, quy định lãi suất theo Điều 90, 91 của Luật các tổ chức tín dụng, có ký xác nhận thể hiện sự tự nguyện của các bên, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật theo Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, xác định Ngân hàng có ký hợp đồng với chị Võ Nguyễn Nguyệt A, qua đó Ngân hàng cấp cho chị A thẻ tín dụng với hạn mức 15.000.000đ. Đến ngày 22/5/2021, chị A đã thực hiện nhiều giao dịch và nợ số tiền 15.197.017đ. Từ ngày 22/5/2021 đến ngày 22/10/2021, số lãi trong hạn phát sinh trên số nợ là 2.163.715đ, tổng cộng chị A nợ số tiền 17.360.732đ. Từ ngày 22/10/2021 đến nay, chị A không thanh toán số tiền vay cũng như lãi vay. Do chị A vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, chuyển số tiền nợ 17.360.732đ sang nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu buộc chị A thanh toán tiền gốc và lãi vay là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Đối với số nợ gốc: Tính đến ngày 22/5/2021, chị A giao dịch với số dư nợ là 15.197.017đ với tiền lãi trong hạn là 2.163.715đ. Ngân hàng cộng số tiền lãi trong hạn vào số tiền gốc là phù hợp, không trái quy định của pháp luật. Yêu cầu buộc chị A trả số tiền nợ gốc là 17.360.732đ là có căn cứ, được chấp nhận.

Đối với số tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 22/10/2021, số nợ của chị Anh là 17.360.732đ bị chuyển qua nợ quá hạn với mức lãi suất 150% lãi suất trong hạn.

Từ ngày 22/10/2021 đến nay (ngày 20/9/2022), mức lãi suất trong hạn được áp dụng là 2,6%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% x 2,6% =3,9%/tháng tương đương là 0,13%/ngày. Từ 22/10/2021 đến 20/9/2022, có tháng 10, 12/2021 và tháng 01, 3, 5, 7,8/2022 có 31 ngày, tháng 02 có 28 ngày còn các tháng còn lại là 30 ngày nên số tiền lãi của các tháng khác nhau. Cụ thể:

Từ 22/10/2021 đến 21/11/2021, ngày 22/12/2021 đến 21/01/2022, ngày 22/01 đến 21/02/2022, từ 22/3 đến 21/4/2022, từ 22/5 đến 21/6/2022, từ 22/7 đến 21/8 là

6 tháng có 31 ngày nên số tiền lãi là 17.360.732đ x 0,13% x 31 x 6 tháng = 4.197.824đ

Từ 22/11 đến 21/12/2021, 22/4 đến 21/5/2022, 22/6 đến 21/7 là 3 tháng, mỗi tháng có 30 ngày nên số tiền lãi là 17.360.732đ x 3,9% x 3 tháng = 677.070đ x 3 = 2.031.205đ.

Từ 22/02 đến 21/3/2022 có 28 ngày nên tiền lãi sẽ là 17.360.732đ x 0,13% x 28 = 631.930đ

Từ ngày 22/8/2022 đến ngày 20/9/2022 là 30 ngày với số tiền lãi là 17.360.732đ x 3,9% = 677.068đ

Như vậy, tổng số tiền lãi từ ngày 22/10/2021 đến ngày 20/9/2022 là 4.197.824đ + 2.031.205đ +631.930đ +677.068đ = 7.538.027đ

Ngân hàng yêu cầu chị A phải trả số tiền lãi là 7.492.908đ là thấp hơn số tiền 7.538.027đ, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho bị đơn, cần chấp nhận.

Tổng số tiền gốc và lãi vay mà chị A phải trả cho Ngân hàng là: 17.360.732đ +7.492.908đ = 24.853.640đ

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hành được chấp nhận nên chị Anh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, Điều 266; Điều 147 của BLTTDS;

Căn cứ vào Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2055; Luật các tổ chức tín dụng

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[2[.Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, buộc chị Võ Nguyễn Nguyệt Aphải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 24.853.640đ (hai mươi bốn triệu tám trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi đồng) trong đó tiền gốc là 17.360.732đ và tiền lãi tính đến ngày 20/9/2022 là 7.492.908đ.

Kể từ ngày 21/9/2022, chị Võ Nguyễn Nguyệt A còn phải trả tiền lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng"ngày 20/11/2018 cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Võ Nguyễn Nguyệt A phải nộp 1.242.682đ (một triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm tám mươi hai đồng). Chi cục thi hành án dân sự huyện H hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 257.000đ (hai trăm năm mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai số 0013934 ngày 25/5/2022.

[4]. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện H
- Chi cục THADS huyện H
- Các đương sự
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Minh Hải